

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày 06-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Trung Hiếu
2/ Bà Phạm Thị Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2026/TLST-HS ngày 20/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HS ngày 26/01/2026, đối với bị cáo:

LỜ A V, sinh ngày 16 tháng 04 năm 1995 tại tỉnh Lào Cai; số CMND: 061027398; số định danh cá nhân: 015095009208 (chưa làm căn cước công dân).

Nơi cư trú: Thôn CD, xã LC, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lờ A S và bà Phàng Thị A; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Lờ A V: Ông Nông Đức Đ - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai, địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Tâm 2, phường YB, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị hại: Chị Chang Thị C, sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn LPT, xã PL, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lờ A E
Địa chỉ: Thôn CD, xã LC, tỉnh Lào Cai. Có mặt;

- Người làm chứng:

1. Anh Lờ A G

Địa chỉ: Thôn DCN, xã LC, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

2. Anh Giàng A H

Địa chỉ: Thôn SHD A, xã LC, tỉnh Lào Cai; vắng mặt;

- *Người phiên dịch:* Anh Khang A L

Địa chỉ: Thôn 1, xã YB, tỉnh Lào Cai; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/01/2017, Lờ A V gặp Lờ A G và Giàng A H tại nhà của Vàng Văn U (tại xã TU, tỉnh Lai Châu), tại đây V rủ Lờ A G và Giàng A H tìm người con gái để lừa bán sang Trung Quốc. Do có quen biết với Chang Thị C, nên Lờ A G nảy sinh ý định lừa chị C đưa sang Trung Quốc bán, G nói với Lờ A V và Giàng A H về ý định của mình và được cả hai đồng ý.

Sáng ngày 16/01/2017, Lờ A G gọi điện cho chị C nói dối là muốn đưa chị C về nhà mình chơi “để cưới C làm vợ”, chị C đồng ý. Lờ A G mượn xe mô tô của Giàng A H chở chị C lên tỉnh Lai Châu, khi đi đến khu vực thủy điện Khao Mang, huyện MCC, tỉnh Yên Bái chị C không đi nữa thì Lờ A G gọi điện cho Lờ A V để V giả làm anh trai của G nói chuyện, thuyết phục chị C về nhà mình chơi, nên chị C đồng ý tiếp tục đi theo Lờ A G, còn Lờ A V điều khiển xe mô tô chở Giàng A H đi trước và hướng dẫn Lờ A G đưa chị C đi đến thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trên đường đi V đã gọi điện thoại cho người đàn ông tên là X (người Trung Quốc, V quen từ trước) liên hệ bán chị C và chỉ đường để V cùng Lờ A G và Giàng A H đưa chị C sang Trung Quốc. Khi đi qua thành phố Lào Cai thì V bảo để xe mô tô lại và đi bộ, trên đường đi có một người đàn ông không biết tên dẫn đường để mọi người đi qua cột mốc biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc sau đó tiếp tục đi sâu vào nội địa Trung Quốc khoảng 2km thì gặp X, V đã thỏa thuận bán chị C cho X và một phụ nữ không quen biết được 10.000 nhân dân tệ, sau khi bán chị C thì Lờ A V, Lờ A G, Giàng A H đi về thành phố Lào Cai và cho người đàn ông dẫn đường 1.000 nhân dân tệ, còn 9.000 nhân dân tệ V đổi được 28.800.000 đồng (*hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*), V chia cho Lờ A G và Giàng A H mỗi người 8.000.000 đồng, V được 12.800.000 đồng.

Sau khi phạm tội Lờ A V bỏ trốn sang Trung Quốc, đến ngày 7/11/2025 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai bắt theo lệnh truy nã số 11 ngày 18/8/2017. Tại Cơ quan điều tra, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Cáo trạng số 12/CT-VKSLC-P2 ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố Lờ A V về tội “*Mua bán người*” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

* Người bào chữa của bị cáo Lờ A V đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; Điều 38; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tuyên phạt bị cáo tù 06 năm đến 07 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lờ A V là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo thuộc diện được miễn án phí. Đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lờ A V phạm tội "*Mua bán người*".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Lờ A V mức án từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 12.800.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

- Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

* Bị cáo thành khẩn khai báo, lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lờ A E không đề nghị bị cáo trả lại số tiền 4.000.000 đồng đã bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy người bị hại và những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Lờ A G và Giàng A H, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16/01/2017, bị cáo Lờ A V cùng Lờ A G, Giàng A H đã lừa và đưa Chang Thị C sang Trung Quốc bán cho người đàn ông tên X (người đàn ông Trung Quốc) với giá 10.000 nhân dân tệ. Sau khi bán C thì V đưa cho người đàn ông dẫn đường 1.000 nhân dân tệ, còn 9.000 nhân dân tệ V đổi được 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng), V chia cho Lờ A G và Giàng A H mỗi người 8.000.000 đồng, V được 12.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lờ A V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (khung hình phạt từ 05 đến 20 năm tù). Đối chiếu với điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 (khung hình phạt từ 08 đến 15 năm tù), thấy rằng mức hình phạt cao nhất của luật mới (15 năm) thấp hơn luật cũ (20 năm). Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, xem xét hình phạt đối với bị cáo trong phạm vi từ 05 năm đến 15 năm tù.

Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lờ A V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lờ A V là người khởi xướng, và cùng Lờ A G, Giàng A H trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên V phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với Lờ A G và Giàng A H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử tại bản án số 46/2017/HSST ngày 29/11/2017.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Bị cáo có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú*”

từ một năm đến năm năm”. Xét thấy, bị cáo Lờ A V không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình (Anh Lờ A E) bồi thường cho bị hại số tiền là 4.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền trên, bị hại không yêu cầu đề nghị gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bị cáo Lờ A V được hưởng lợi 12.800.000 đồng, đây là số tiền phạm tội mà có. Do đó cần truy thu nộp Ngân sách nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dẫn đường cho bị cáo Lờ A V và hai người mua chị Chang Thị C ở Trung Quốc: Ngoài lời khai của bị cáo, không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác minh làm rõ. Căn cứ khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trách nhiệm đối với bị cáo đã bị truy tố.

Đối với anh Vàng Văn U, quá trình điều tra xác định không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Lờ A V là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lờ A V phạm tội “*Mua bán người*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lờ A V 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 07/11/2025.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Truy thu của bị cáo Lờ A V số tiền: 12.800.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Lờ A V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tối cao;
- Vụ GDKT về hình sự-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan HS-NV Công an tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai;
- THA dân sự tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ ;
- Thi hành án hình sự (3);
- Lưu: HS, HCTP, tiểu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân